|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ GDĐT TIỀN GIANG  **TRƯỜNG THPT TÂN HIỆP**  ĐỀ CHÍNH THỨC  (Đề có 5 trang) | **ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ 1**  **MÔN VẬT LÝ LỚP 11**  *Thời gian làm bài:50 phút;*  *Ngày kiểm tra: 29/10/2022* | |
| **Mã đề 132** | |  |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: 7,0 điểm**

Câu 1: Suất điện động của nguồn điện là đại lượng đặc trưng cho

A. khả năng thực hiện công của nguồn điện. B. khả năng tích điện của nguồn điện.

C. khả năng dự trữ điện tích của nguồn điện. D. khả năng tác dụng lực của nguồn điện.

Câu 2: Chọn phát biểu sai

A. Đường sức điện cho phép ta mô tả trực quan điện trường.

B. Đường sức điện có thể là đường cong.

C. Cũng có khi đường sức điện không xuất phát từ điện tích dương mà xuất phát từ vô cùng.

D. Các đường sức của điện trường là các đường thẳng song song và cách đều nhau.

Câu 3: Một quả cầu nhỏ mang điện tích q = 10-9C đặt trong không khí. Cường độ điện trường tại một điểm cách quả cầu 3cm là

A. 104V/m. B. 3.10-4V/m. C. 3 V/m. D. 3.104V/m.

Câu 4: Theo thuyết electron thì

A. vật nhiễm điện dương là vật thiếu electron, nhiễm điện âm là vật dư electron.

B. vật nhiễm điện âm là vật chỉ có các điện tích âm.

C. vật nhiễm điện dương là vật chỉ có các điện tích dương.

D. vật nhiễm điện dương hay âm là do số electron trong nguyên tử nhiều hay ít.

Câu 5: Điều kiện để có dòng điện là

A. chỉ cần có các vật dẫn điện nối liền với nhau tạo thành mạch điện kín.

B. chỉ cần duy trì 1 hiệu điện thế giữa 2 đầu vật dẫn.

C. chỉ cần có hiệu điện thế. D. chỉ cần có nguồn điện.

Câu 6: Dòng điện được định nghĩa là

A. dòng chuyển dời có hướng của electron. B. dòng chuyển dời có hướng của ion dương.

C. dòng chuyển động của các điện tích. D. dòng chuyển dời có hướng của các điện tích.

Câu 7: Một bàn là sử dụng mạng điện có hiệu điện thế 220 V thì có dòng điện 4 A chạy qua. Tính tiền điện phải trả cho việc sử dụng bàn là trong 30 ngày, mỗi ngày sử dụng 1 giờ? Cho biết giá tiền điện là 1000 đồng/kW.h.

A. 39600 đồng. B. 28100 đồng. C. 31680 đồng. D. 26400 đồng.

Câu 8: Công của lực điện trường làm di chuyển một điện tích q = 2.10-4 (C) giữa hai điểm là A = 1(J). Hiệu điện thế giữa hai điểm đó là

A. U = 50 (V). B. U = 500 (V). C. U = 5000 (V). D. U = 5 (V).

Câu 9: Một điện tích q chuyển động trong điện trường không đều theo một đường cong kín. Gọi công của lực điện trong chuyển động đó là A thì

A. A > 0 nếu q > 0. B. A > 0 nếu q < 0. C. A # 0 . D. A = 0.

Câu 10: Điện thế tại 1 điểm trong điện trường là đại lượng đặc trưng cho điện trường

A. về khả năng thực hiện công. B. về tốc độ biến thiên của điện trường.

C. về phương diện tạo ra thế năng. D. về mặt tác dụng lực.

Câu 11: Hai điện tích điểm q1 = +4.10-6 (C) và q2 = -4. 10-6 (C), đặt trong không khí cách nhau một khoảng r = 3 (cm). Lực tương tác giữa hai điện tích đó là

A. lực hút với độ lớn F = 80 (N). B. lực đẩy với độ lớn F = 160 (N).

C. lực hút với độ lớn F = 160 (N). D. lực đẩy với độ lớn F = 80 (N).

Câu 12: Công của lực điện trường dịch chuyển một điện tích 2.10-6 C dọc theo chiều một đường sức trong một điện trường đều 1000 V/m trên quãng đường dài 2 m là

A. 4. 103 J. B. 2.10-3 J. C. 4.10-3 J. D. 10-3 J.

Câu 13: Chọn câu sai khi nói về tụ điện

A. Điện dung của tụ có đơn vị là Fara (F).

B. Hiệu điện thế càng lớn thì điện dung của tụ càng lớn.

C. Điện dung đặc trưng cho khả năng tích điện của tụ.

D. Điện dung của tụ càng lớn thì tích được điện lượng càng lớn.

Câu 14: Điện trường là

A. môi trường không khí quanh điện tích.

B. môi trường bao quanh điện tích, gắn với điện tích và tác dụng lực điện lên các điện tích khác đặt trong nó.

C. môi trường dẫn điện. D. môi trường chứa các điện tích.

Câu 15: Tụ điện là một hệ

A. hai vật đặt gần nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp cách điện.

B. hai vật dẫn đặt gần nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp cách điện.

C. hai vật dẫn đặt tiếp xúc nhau và được bao bọc bằng một lớp cách điện.

D. hai vật dẫn đặt cách nhau một khoảng rất xa.

Câu 16: Hiệu điện thế giữa 2 điểm trong điện trường là đại lượng đặc trưng cho điện trường

A. về khả năng thực hiện công. B. về tốc độ biến thiên của điện trường.

C. về mặt tác dụng lực. D. về phương diện tạo ra thế năng.

Câu 17: Độ lớn của lực tương tác giữa hai điện tích điểm đặt trong không khí

A. tỉ lệ nghịch với khoảng cách giữa hai điện tích.

B. tỉ lệ với bình phương khoảng cách giữa hai điện tích.

C. tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa hai điện tích.

D. tỉ lệ với khoảng cách giữa hai điện tích.

Câu 18: Một dòng điện không đổi sau khoảng thời gian 5 giây có một điện lượng 10 C chuyển qua một tiết diện thẳng của dây dẫn. Cường độ của dòng điện qua dây dẫn là

A. 2,0 A. B. 1,2 A. C. 1,8 A. D. 0,5 A.

Câu 19: Dòng điện không đổi là

A. dòng điện có chiều không đổi theo thời gian.

B. dòng điện có chiều và cường độ không thay đổi theo thời gian.

C. dòng điện có chiều và cường độ thay đổi theo thời gian.

D. dòng điện có cường độ không đổi theo thời gian.

Câu 20: Công của lực điện trường khi một điện tích di chuyển từ điểm M đến điểm N trong điện trường đều là A = qEd. Trong đó d là

A. chiều dài MN. B. chiều dài đường đi của điện tích.

C. hình chiếu của đường đi lên phương và chiều của một đường sức.

D. hình chiếu của đường đi lên phương và chiều của lực điện.

Câu 21: Cường độ dòng điện được xác định bởi

A. điện lượng dịch chuyển qua tiết diện thẳng của vật dẫn trong một đơn vị thời gian.

B. số lượng electron chuyển qua tiết diện thẳng của vật dẫn trong một đơn vị thời gian.

C. lượng ion dương chuyển qua tiết diện thẳng của vật dẫn trong một giây.

D. số hạt tải điện chuyển qua tiết diện thẳng của vật dẫn trong một giây.

Câu 22: Vật A trung hòa điện đặt tiếp xúc với vật B đang nhiễm điện dương thì vật A cũng nhiễm điện dương là do

A. electron di chuyển từ A sang B. B. điện tích dương di chuyển từ vật B sang vật A.

C. ion âm từ A di chuyển sang vật B. D. electron di chuyển từ B sang A.

Câu 23: Cường độ điện trường tại 1 điểm là đại lượng đặc trưng cho điện trường

A. về năng lượng. B. về khả năng thực hiện công.

C. về tốc độ biến thiên của điện trường. D. về mặt tác dụng lực.

Câu 24: Có hai điện tích điểm q1 và q2, chúng hút nhau. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. q1.q2> 0. B. q1> 0 và q2> 0. C. q1.q2< 0. D. q1< 0 và q2< 0.

Câu 25: Chọn câu đúng. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

A. Vôn kế B. Công tơ điện. C. Ampe kế. D. Tĩnh điện kế.

Câu 26: Một nguồn điện có suất điện động 6 V. Khi mắc nguồn điện này với một bóng đèn để thành mạch điện kín thì nó cung cấp một dòng điện có cường độ 3A. Công của nguồn điện này sản ra trong thời gian 5 phút là

A. 2700 J. B. 900 J. C. 4500 J. D. 5400 J.

Câu 27: Đại lượng đặc trưng cho tốc độ tỏa nhiệt của vật dẫn khi có dòng điện chạy qua là

A. Điện năng tiêu thụ. B. Công suất của nguồn điện.

C. Nhiệt lượng. D. Công suất tỏa nhiệt.

Câu 28: Nối hai bản tụ điện một hiệu điện thế 120 V thì tụ tích được điện tích 240 µC. Điện dung của tụ là

A. 0,5 µF B. 2 µF C. 1 µF. D. 1,5 µF

**B. TỰ LUẬN: 3,0 điểm**

**Bài 1 (1đ):**Một quạt điện được sử dụng dưới hiệu điện thế 220 V thì dòng điện chạy qua quạt có cường độ là 5 A. Tính công suất tỏa nhiệt trên quạt và điện năng tiêu thụ của quạt trong 30 phút?

**Bài 2 (1đ):** Giữa hai bản kim loại phẳng song song cách nhau 2m có cường độ điện trường 150V/m. Tính hiệu điện thế giữa hai bản kim loại và công của lực điện khi di chuyển điện tích q = 5.10-8 C từ bản dương sang bản âm?

**Bài 3 (1đ):**Hai điện tích q1 = 2,5.10-8C và q2 = -10-7C đặt tại A và B trong không khí. AB = 10cm. Một điện tích q3 đặt tại C. Hỏi C ở đâu để hệ cân bằng? Cho biết dấu và độ lớn của q3 khi đó.

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

----------- HẾT ----------